

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIANG THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HS-ST

Ngày: 25 - 7 - 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIANG THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Kông.
2. Bà Lê Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hoàng Thân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Khương Hoài Thương, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2022/TLST-HS ngày 21/4/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HS ngày 03/6/2022; Thông báo dời phiên tòa số: 04/TB-TA ngày 22/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/HSST-QĐ ngày 12/7/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Tr (tên gọi khác: B, Bá H), sinh năm 1983; nơi sinh: AP, AG.

Nơi cư trú: ấp VT, xã VP, huyện TT, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: ấp VT, xã VP, huyện TT, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Lê Thị Kh (đã chết); có vợ (đã ly hôn) và 02 con; tiền sự: không; tiền án: có 02 tiền án về tội Cướp tài sản theo Bản án số 96/2012/HSPT ngày 27/9/2012 của Tòa án nhân tỉnh Vĩnh Long-xử phạt 07 (bảy) năm tù và tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 02/2021/HS-ST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang-xử phạt 01 (một) năm tù; nhân thân: có 03 án tích về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 35/HSST ngày 23/12/2003 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang-xử phạt 01 (một) năm tù; Bản án số 103/2004/HS.ST ngày 30/12/2004 của Tòa án nhân dân thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang-xử phạt 09 (chín) tháng tù; Bản án số 28/2006/HSST ngày 07/11/2006 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang-xử phạt 02 (hai) năm tù; bị bắt tạm giữ từ ngày 01/01/2022 cho đến ngày 10/01/2022; tạm giam từ ngày 10/01/2022 cho đến nay (có mặt).

- Bị hại:

1. Ông Trần Bá Đ, sinh năm 1942; nơi cư trú: tổ 7, ấp NS, xã VĐ, huyện GT, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

2. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1982; nơi cư trú: tổ 1, ấp VL, xã VĐ, huyện GT, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp VP, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 30 phút đêm 31/12/2021 rạng sáng ngày 01/01/2022 bị cáo (Nguyễn Văn Tr) cùng tên T và tên Nh (cả hai không xác định được nhân thân, lai lịch) thông nhất đi tìm tài sản trộm cắp nhưng không nói rõ tài sản gì, ở đâu. Do không biết đường tên T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha- Sirius (không rõ biển kiểm soát) chở tên Nh; còn bị cáo điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda-Airblade màu đen-đỏ, biển kiểm soát 71B1-015.42 đi từ thị trấn BC, huyện TT, tỉnh An Giang đến xã VĐ, huyện GT, tỉnh Kiên Giang. Khi đến khu vực nhà ông Trần Bá Đ thuộc tổ 7, ấp NS, xã VĐ, huyện GT, tỉnh Kiên Giang thì tên T phân công bị cáo chạy lên phía trước canh đường; còn tên T và Nh đột nhập vào nhà ông Đ. Khoảng 30 phút sau chạy tới tên T đưa cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1816 màu xanh và đưa cho bị cáo 01 cây dao lưỡi bằng kim loại để phòng thân rồi tiếp tục đi tìm tài sản trộm cắp. Khi đến khu vực nhà bà Phạm Thị H thuộc tổ 1, ấp VL, xã VĐ, huyện GT, tỉnh Kiên Giang thì tên T phân công bị cáo chạy lên phía trước canh đường; còn tên T và Nh đột nhập vào nhà bà H. Khoảng 30 phút sau chạy tới tên T đưa cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme 3 RMX 1821 màu đen và tiếp tục đi tìm tài sản trộm cắp. Đến khoảng 00 giờ 15 phút ngày 01/01/2022 ông Trần Bá Đ phát hiện điện thoại di động của mình bị mất trộm và đến khoảng 01 giờ 15 phút bà Phạm Thị H phát hiện điện thoại di động của mình bị mất trộm, nên gọi điện thoại báo Công an xã VĐ, huyện GT. Đến khoảng 02 giờ 10 phút ngày 01/01/2022; lực lượng Công an xã VP, huyện GT phát hiện bị cáo đang điều khiển xe mô tô trên tuyến đường trên kênh K3 thuộc ấp ĐC, xã VP, huyện GT, nên tiến hành kiểm tra và phát hiện trên xe có 01 cây dao bằng kim loại; trong túi áo có 02 điện thoại di động; 01 dao lam và 589.000 đồng (VNĐ). Công an xã VP tiến hành làm việc và lập biên bản sự việc; mời bị cáo về trụ sở và báo cáo chuyển về Công an huyện GT tạm giữ và tạm giam cho đến nay.

Tại Bản kết luận định giá về giá trị tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 05/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự-UBND huyện GT kết luận:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1816 màu xanh, đã qua sử dụng trị giá còn lại 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme 3 RMX 1821 màu đen, đã qua sử dụng trị giá còn lại 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, các bị hại và người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện GT, tỉnh Kiên Giang.

Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã xử lý và quyết trả lại toàn bộ tài sản bị chiếm cho các bị hại là ông Trần Bá Đ và chị Phạm Thị H.

Về vật chứng vụ án thu giữ:

1. 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Airblade màu đỏ-đen, biển kiểm soát 71B1-015.42, đã qua sử dụng.
2. 01 (một) dao lam, đã qua sử dụng.
3. 01 (một) con dao lưỡi bằng kim loại dài 30,5cm, cán bằng gỗ dài 15,5cm, đã qua sử dụng.
4. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1816 màu xanh, đã qua sử dụng.
5. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme 3 RMX 1821 màu đen, đã qua sử dụng.

Các vật chứng tại mục 1, 2 và 3 hiện đang bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật.

Các vật chứng tại các mục 4 và 5 đã trả lại cho các bị hại ông Trần Bá Đảnh và chị Phạm Thị Hành.

Tại bản Cáo trạng số 07/CT-VKSGT ngày 20/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang; Truy tố bị cáo Nguyễn Văn Tr về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm;

...

g) Tái phạm nguy hiểm”...

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang tiếp tục giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr với mức án từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù.

- Về vật chứng vụ án đề nghị trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án anh Nguyễn Văn C 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Airblade màu đỏ-đen, biển kiểm soát 71B1-015.42, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm: 01 (một) dao lam, đã qua sử dụng và 01 (một) con dao lưỡi bằng kim loại dài 30,5cm, cán bằng gỗ dài 15,5cm, đã qua sử dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: không phải xử lý.

Bị cáo Nguyễn Văn Tr không có ý kiến tranh luận.

Các Bị hại Trần Bá Đ và Phạm Thị H vắng mặt không có ý kiến tranh luận.

Người có liên quan anh Nguyễn Văn C không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Tr có lời nói sau cùng: xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ, vì bị cáo đã biết tội lỗi do mình gây ra và cam kết không còn phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra-Công an huyện Giang Thành, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Giang Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; các bị hại và người có liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với các bị hại ông Trần Bá Đ và chị Phạm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và Hội đồng xét xử xét thấy sau khi vụ án xảy ra các bị hại đã có lời khai trong quá trình điều tra, nên Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Bị cáo Nguyễn Văn Tr hoàn toàn nhận thức được hành vi cùng đồng phạm lén lút nhằm chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu của các bị hại Trần Bá Đ và Phạm Thị H gồm 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1816 màu xanh; trị giá 1.100.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme 3 RMX 1821 màu đen; trị giá 1,300.000 đồng. Tổng trị giá 2.400.000 đồng; phù hợp với Bản kết luận định giá tài sản, Bản tự khai, biên bản ghi lời khai và biên bản hỏi cung bị can tại Cơ quan Điều tra (Bút lục số 09, 10, 85, 86, 179, 180, 181, 182, 183, 184, 185, 186, 187 và 188).

[4] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn Tr hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình; phù hợp với lời khai của các bị hại, người có liên quan; vật chứng và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, cùng đồng phạm xâm hại đến tài sản của các bị hại Trần Bá Đ và Phạm Thị H và còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, việc điều tra, truy tố và xét xử công khai đối với bị cáo là thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Theo Kiểm sát viên luận tội và đề nghị áp dụng mức hình phạt tù từ 02 năm đến 03 năm và xử lý các

vấn đề liên quan đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng chính sách pháp luật.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng định khung và nhân thân đối với bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Văn Tr có 01 tiền án về tội Cướp tài sản theo Bản án số 96 ngày 27/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long-xử phạt 07 (bảy) năm tù nhưng chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý, nên thuộc trường hợp tái phạm (tội Trộm cắp tài sản) theo Bản án số 02 ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang-xử phạt 01 (một) năm tù; chấp hành xong ngày 21/8/2021 và tính đến ngày phạm tội phải đưa ra xét xử bị cáo Tr chưa được xóa án tích theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự, nên bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo điểm b khoản 2 Điều 53 và điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Về nhân thân: Bị cáo có 03 án tích về tội Trộm cắp tài sản. Do đó bị cáo không những còn 02 tiền án và nhân thân không tốt, nên cần xem xét cân nhắc khi lượng hình.

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo. Tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại toàn bộ cho các bị hại. Các bị hại tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình Điều tra các bị hại chỉ yêu cầu xử lý theo pháp luật, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo lười lao động, chỉ muốn hưởng thụ những đồng tiền bất chính và xem thường pháp luật; đã nhiều lần phạm tội chiếm đoạt và bị xử phạt tù nhưng không từ bỏ con đường phạm tội. Do vậy, qua thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định, nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung; tạo thêm điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt; sống có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Đối với tên T và tên Nh (không rõ nhân thân, lai lịch) do bị cáo Tr khai là đồng phạm; đề nghị Cơ quan Cảnh sát Điều tra-Công an huyện Giang Thành tiếp tục xác minh, làm rõ; có căn cứ xử lý sau theo quy định của pháp luật.

[8] Xét về hình phạt bổ sung:

Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”; do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa xét thấy bị cáo mới ra tù và không có nghề nghiệp, nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Do các bị hại ông Đ và chị H đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu bồi thường thêm thiệt hại, nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét.

[10] Về vật chứng vụ án:

- Cần ghi nhận các Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu của Cơ quan Cảnh sát Điều tra. Về việc trả lại vật chứng cho các bị hại ông Trần Bá Đ và chị Phạm Thị H. Riêng đối

với bị cáo Nguyễn Văn Tr khi bị bắt giữ kiểm tra đã thu giữ số tiền 589.000 đồng (VNĐ) và Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Giang Thành đã quyết định trả lại, nên cần ghi nhận.

- Đối với vật chứng là 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Airblade màu đỏ-đen, biển kiểm soát 71B1-015.42, đã qua sử dụng; do anh Nguyễn Văn C nhận mua lại của người khác và là người đang quản lý, nên cần tuyên trả lại cho anh C.

- Đối với vật chứng là 01 (một) dao lam, đã qua sử dụng và 01 (một) con dao lưỡi bằng kim loại dài 30,5cm, cán bằng gỗ dài 15,5cm, đã qua sử dụng là những vật không có giá trị, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Về án phí: Buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Tr (tên gọi khác: B, Bá H) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt Nguyễn Văn Tr 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/01/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận các bị hại ông Trần Bá Đ và chị Phạm Thị H không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Tr bồi thường thêm thiệt hại.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn C 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Airblade màu đỏ-đen, biển kiểm soát 71B1-015.42, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy vật chứng gồm: 01 (một) dao lam, đã qua sử dụng và 01 (một) con dao lưỡi bằng kim loại dài 30,5cm, cán bằng gỗ dài 15,5cm, đã qua sử dụng.

Vật chứng nêu trên hiện đang bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Ghi nhận các Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 04/QĐ, 05/QĐ và 06/QĐ cùng ngày 04/01/2022 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra-Công an huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang. Về việc trả lại cho ông Trần Bá Đ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1816 màu xanh, đã qua sử dụng; chị Phạm Thị H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme 3 RMX 1821 màu đen, đã qua sử dụng và bị cáo Nguyễn Văn Tr 589.000 đồng (Năm trăm tám mươi chín nghìn đồng) tiền Việt Nam.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn Tr và người có liên quan anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử phúc thẩm. Các bị hại ông Trần Bá Đ và chị Phạm Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Công an tỉnh Kiên Giang (Phòng HS);
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giang Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Giang Thành;
- Bị cáo;
- Bị hại và Người có liên quan;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Văn Vân